

QUYẾT ĐỊNH

Quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trên địa bàn thành phố Cần Thơ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 67/2020/QH14 và Luật số 88/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 189/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Xử lý vi phạm hành chính về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 5 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sử dụng đất quy định tại Điều 4 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 có hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 123/2024/NĐ-CP xảy ra trên địa bàn thành phố Cần Thơ, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai theo Quyết định này.

Điều 3. Các trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Đối với hành vi làm suy giảm chất lượng đất: Trường hợp diện tích vi phạm thuộc các thửa đất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi các dự án đang triển khai thực hiện, không còn khả năng tiếp tục sản xuất, canh tác do địa hình thấp trũng, không có nguồn nước hoặc bị bỏ hoang không canh tác.

2. Đối với hành vi vi phạm làm biến dạng địa hình đất

a) Hành vi thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất:

Trường hợp hành vi vi phạm làm thay đổi bề mặt đất từ đất dốc hoặc đất không bằng phẳng thành đất bằng phẳng thì không phải khôi phục trở lại độ dốc, đất không bằng phẳng như ban đầu.

Hành vi vi phạm làm thay đổi độ dốc bề mặt đất mà tại thời điểm xử lý vi phạm hành chính diện tích đất vi phạm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận thì không phải khôi phục trở lại độ dốc như ban đầu trước khi vi phạm.

b) Hành vi san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi): Tại thời điểm xử lý vi phạm hành chính diện tích đất mặt nước chuyên dùng không còn sử dụng vào mục đích tưới tiêu nước, điều tiết nước hoặc tạo môi trường, cảnh quan theo mục đích sử dụng đất đã được xác định.

c) Hành vi san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận): Trường hợp diện tích đất vi phạm phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, phù hợp mục đích sử dụng đất được giao, được thuê hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

Điều 4. Mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm

1. Đối với hành vi làm suy giảm chất lượng đất mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định, thuộc các trường hợp:

a) Trường hợp làm mất hoặc giảm độ dày tầng đất đang canh tác thì buộc khôi phục lại tầng đất đang canh tác với độ dày như trước khi vi phạm. Loại đất sử dụng để khôi phục lại tầng đất canh tác là loại đất cũ đã lấy đi; trường hợp đất cũ đã vận chuyển đi để sử dụng vào mục đích khác thì sử dụng đất có thành phần, tính

chất tương đương với loại đất ban đầu để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm hoặc tương đương các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng.

b) Trường hợp làm thay đổi lớp mặt của đất sản xuất nông nghiệp bằng các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng thì buộc thực hiện thu gom, vận chuyển các loại vật liệu, chất thải hoặc đất lẫn cát, sỏi, đá hay loại đất có thành phần khác với loại đất đang sử dụng ra khỏi phạm vi diện tích đất vi phạm để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm hoặc tương đương với các thửa đất liền kề có cùng mục đích sử dụng đất.

c) Trường hợp gây bạc màu, gây xói mòn, rửa trôi đất nông nghiệp thì buộc thực hiện một hoặc một số biện pháp cải tạo đất phù hợp với điều kiện thực tế của khu đất vi phạm như: che phủ đất bằng vật liệu hữu cơ, luân canh cây trồng, tạo thảm thực vật, canh tác theo đường đồng mức, bón vôi, phân hữu cơ, điều chỉnh lượng nước tưới phù hợp với nhu cầu cây trồng, đắp bờ kè, phân tán dòng nước nhằm ngăn chặn dòng chảy bề mặt để khôi phục độ màu mỡ của đất, bảo đảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định.

2. Đối với hành vi làm biến dạng địa hình mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định, thuộc các trường hợp:

a) Trường hợp thay đổi độ dốc bề mặt đất; hạ thấp bề mặt đất thì buộc phải thực hiện các giải pháp để khôi phục độ dốc, độ cao bề mặt đất như tình trạng ban đầu trước khi vi phạm và cải tạo đất để khôi phục khả năng sử dụng theo mục đích đã được xác định ban đầu. Việc khôi phục độ dốc, độ cao bề mặt đất phải đảm bảo sử dụng loại đất tương đồng với loại đất ban đầu hoặc đảm bảo khả năng sử dụng đất như mục đích ban đầu đã được xác định.

b) Trường hợp san lấp đất có mặt nước chuyên dùng (trừ hồ thủy lợi) hoặc san lấp nâng cao, hạ thấp bề mặt của đất sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà làm mất hoặc giảm khả năng sử dụng đất theo mục đích đã được xác định (trừ trường hợp chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa sang trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa và hình thức cải tạo đất khác phù hợp với mục đích sử dụng đất được giao, được thuê, được công nhận quyền sử dụng đất hoặc phù hợp với dự án đầu tư đã được Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất phê duyệt hoặc chấp thuận) thì buộc phải thực hiện thu hồi toàn bộ vật liệu đã san lấp, khôi phục lại bề mặt đất như tình trạng ban đầu trước khi vi phạm và cải tạo đất để khôi phục khả năng sử dụng theo mục đích đã được xác định ban đầu.

3. Việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh và việc sử dụng đất của các thửa đất liền kề, đồng thời phải tuân thủ đúng quy định của Luật Đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan, không được lợi dụng việc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất để thực hiện các hành vi trái với quy định pháp luật.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Trong quá trình xem xét xử lý hành vi vi phạm hành chính, người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, cơ quan trình xử phạt vi phạm hành chính (trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt) có trách nhiệm xác định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất làm cơ sở để người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quyết định khi xử phạt vi phạm hành chính.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, hồ sơ liên quan đến tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và các thông tin liên quan theo yêu cầu của người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính, cơ quan trình xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính để xác định trường hợp không có tính khả thi để khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất; phối hợp với cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan trình xử phạt vi phạm hành chính (trường hợp vượt thẩm quyền xử phạt) để xác định kết quả khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất của người vi phạm.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan có liên quan kịp thời kiến nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày tháng 4 năm 2026.

2. Bãi bỏ Quyết định số 43/2025/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định các trường hợp không có tính khả thi và mức độ khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tư pháp (Cục KTVB&TCTHPL);
- TT.TU, TT.HĐND thành phố;
- BTV Đảng ủy UBND thành phố;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể thành phố;
- Các sở, ban, ngành thành phố;
- Công an thành phố;
- Trung tâm lưu trữ lịch sử thành phố;
- UBND xã, phường;
- Công báo TP, Công Thông tin điện tử TP;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Chí Hùng